

Số: 148/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17 tháng 3 năm 2026.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 279/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh **Cao Văn T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ thường trú: **Tổ dân phố T, phường P, Thành phố H.**

Địa chỉ liên hệ: Nhà ở **xã H, ấp M, xã N, tỉnh Đồng Nai.**

+ Chị **Hồ Thị H**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ thường trú: **Tổ dân phố T, phường P, Thành phố H.**

Địa chỉ liên hệ: Nhà ở **xã H, ấp M, xã N, tỉnh Đồng Nai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh **Cao Văn T** và chị **Hồ Thị H** thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung **Cao Hồ Quỳnh A**, sinh ngày 31/8/2020.

Anh **T**, chị **H** thỏa thuận giao cháu **Cao Hồ Quỳnh A**, sinh ngày 31/8/2020 cho chị **Hồ Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh **Cao Văn T** cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

[3] *Về tài sản chung*: Không xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Cao Văn T** và chị **Hồ Thị H** thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung **Cao Hồ Quỳnh A**, sinh ngày 31/8/2020.

Anh **T**, chị **H** thỏa thuận giao cháu **Cao Hồ Quỳnh A** cho chị **Hồ Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời, anh **Cao Văn T** phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền nuôi con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Cao Văn T** và chị **Hồ Thị Hồng C** 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004731 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh **T**, chị **H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai ;
- UBND P.Phong Quang, TP.Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tấn Cảnh